

CHIẾN LƯỢC “XOAY TRỤC” SANG CHÂU Á CỦA LIÊN BANG NGA VÀ QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - LIÊN BANG NGA ĐẦU THẾ KỶ XXI

BÙI THỊ HUYỀN*

Đầu thế kỷ XXI, với thực lực và vị thế quốc tế không ngừng tăng lên, Liên bang Nga trở thành một chủ thể quyền lực có tầm quan trọng trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới. Việc điều chỉnh chính sách đối ngoại và triển khai nhiều hoạt động thiết thực của Liên bang Nga đã tác động đến quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga nói chung, quan hệ kinh tế nói riêng. Bài viết nghiên cứu sự điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Nga đối với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương trong hai thập niên đầu của thế kỷ XXI; phân tích vị trí của Việt Nam trong chính sách Châu Á của nước này; từ đó đánh giá tác động của chính sách đối ngoại mới đến quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga trên lĩnh vực kinh tế.

Từ khóa: chính sách đối ngoại, Liên bang Nga, Việt Nam, quan hệ kinh tế

Nhận bài ngày: 19/6/2019; đưa vào biên tập: 26/6/2019; phản biện: 9/7/2019; duyệt đăng: 4/12/2019

1. DẪN NHẬP

Sau khi Liên Xô tan rã năm 1991, Liên bang Nga trở thành thực thể chính trị độc lập. Trong giai đoạn 1991 - 1993, Nga thực hiện chính sách đối ngoại “định hướng Đại Tây Dương” thân với Mỹ và phương Tây, nhưng không đem lại hiệu quả. Với tình hình như vậy, Liên bang Nga phải nỗ lực tìm kiếm

những nguồn lực mới, những hướng hợp tác chính trị và kinh tế mới để phát triển đất nước, đáp ứng những lợi ích chiến lược thật sự nhằm “đi tìm cái mà Nga có thể đề xuất với phần còn lại của thế giới, cho dù quy mô không bằng thời Liên Xô” (A.V. Lukin, 2009: 7). Chính sách đối ngoại cân bằng Đông - Tây bắt đầu được thực thi vào năm 1994. “Những nguyên tắc cơ bản trong chính sách đối ngoại của Liên bang Nga” được Tổng thống B. Yeltsin phê chuẩn năm 1994 khẳng

* Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

định: “tăng cường chính sách đối ngoại Châu Á - Thái Bình Dương có thể cân bằng các mặt đối với phương Tây. Như thế càng thể hiện vị trí Âu - Á của Nga” (dẫn theo Hồ Châu, 1997: 69). Định hướng này đánh dấu sự quay trở lại Châu Á của Nga và được Tổng thống V. Putin kế thừa, phát triển, điều chỉnh trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI. Chính sách đối ngoại mới của Nga đã nhấn mạnh lại địa vị nước lớn, văn hóa và giá trị đặc biệt của dân tộc Nga, phát huy tinh thần dân tộc nhằm tạo dựng lại hình ảnh Liên bang Nga trên trường quốc tế. “Cơ sở của chính sách đó là tính thực dụng, hiệu quả kinh tế, ưu tiên các mục tiêu quốc gia” (dẫn theo Thông tấn xã Việt Nam, 2002: 11). Việc tham gia Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, Diễn đàn Khu vực ASEAN và thành lập “nhóm Thượng Hải +5” được Nga xem là mục tiêu đặc biệt (Thông Tấn xã Việt Nam, 2002: 10-11).

2. CHIẾN LƯỢC ĐỐI NGOẠI “XOAY TRỤC” SANG CHÂU Á CỦA LIÊN BANG NGA

Mặc dù định hướng chính sách đối ngoại của Nga là cân bằng Âu - Á nhưng trong hai nhiệm kỳ đầu của Tổng thống V. Putin (2000 - 2008), Nga vẫn coi trọng Châu Âu. Báo cáo chính sách đối ngoại dài hạn của Nga công bố tháng 6/2000 đã xác định thứ tự ưu tiên ngoại giao số một là Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG), thứ hai là Châu Âu, thứ ba là Mỹ, thứ tư là Châu Á. Định hướng đối ngoại này

cho thấy Châu Á và các quốc gia phương Đông được ưu tiên sau Mỹ và phương Tây trong hoạch định chính sách đối ngoại của Nga. Bởi vì “mục tiêu của Nga trong giai đoạn này là nỗ lực không ngừng để khiến Mỹ và các quốc gia Châu Âu phải lưu tâm đến những lợi ích và tầm quan trọng của Nga” (Gabriel Gorodetsky, 2003: 172). Trong báo cáo tổng quan về chính sách đối ngoại quốc gia được Tổng thống V. Putin thông qua ngày 27/3/2007, các hướng địa lý theo thứ tự ưu tiên của chính sách đối ngoại bao gồm: SNG, Châu Âu, Mỹ và Canada; khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, Trung Đông, Bắc Phi; khu vực Mỹ Latinh và vùng Caribe. Báo cáo được xem là minh chứng rõ ràng trong chính sách đối ngoại của Nga (Thông tấn xã Việt Nam, 2007). Theo báo cáo này, Châu Á - Thái Bình Dương giữ vị trí ưu tiên thấp trong chính sách đối ngoại của Nga. Trên thực tế, kể từ sau định hướng “cân bằng Âu - Á”, dưới tác động của sự chuyển dịch quyền lực từ Tây sang Đông và áp lực gia tăng ảnh hưởng của Mỹ ở khu vực này, Châu Á - Thái Bình Dương được Nga nhấn mạnh như một khu vực chứa đựng nhiều lợi ích tiềm năng. Nhưng Nga chủ yếu tập trung vào các tiểu khu vực Đông Bắc Á, trong đó có các đối tác lớn (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc); khu vực Nam Á, Nga tập trung vào Ấn Độ trong chính sách cân bằng quyền lực; khu vực Đông Nam Á, thật sự là một “miếng ghép” còn thiếu trong

chính sách đối ngoại của Nga ở Châu Á.

Chính sách Châu Á - Thái Bình Dương của Nga đã có những điều chỉnh căn bản trong nhiệm kỳ của Tổng thống D. Medvedev (2008 - 2012) và V. Putin (2012 đến nay), trên cơ sở định hướng đối ngoại mới thông qua năm 2008: “tập trung sự chú ý vào khu vực Châu Á - Thái Bình Dương nhiều hơn bên cạnh chính sách đối với SNG, Mỹ và Tây Âu (D. Medvedev, 2008). Hơn nữa, trong bối cảnh nền kinh tế thế giới lâm vào tình trạng khó khăn do tác động sâu rộng của khủng hoảng kinh tế, tài chính... Châu Á - Thái Bình Dương vẫn là khu vực có quy mô và tốc độ phát triển nhanh chóng “năm 2010 tốc độ phát triển trung bình của khu vực này là 7% (Trung Quốc 9,5%, Ấn Độ 8%) trong khi đó Liên minh Châu Âu chỉ đạt 1,6%. Hiện nay, Châu Á - Thái Bình Dương chiếm 60% GDP, 50% thương mại và 40% đầu tư thế giới” (Vũ Dương Huân, 2013: 59). Theo E.V. Kobelev (2016: 73), Liên bang Nga đẩy mạnh chính sách Châu Á - Thái Bình Dương trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, “xuất phát từ việc Nga đã nhận thức được sự thật hiển nhiên: nước Nga về mặt lịch sử, gắn bó không tách rời với Châu Á - Thái Bình Dương, nên Nga có lợi chính trị và kinh tế sống còn trong khu vực. Nga là một cường quốc nằm trên hai lục địa Á - Âu và hai phần ba lãnh thổ của Nga nằm ở Châu Á. Nga có thể nhận được những khoản tín dụng cần thiết và cả công nghệ tiên tiến ở

Châu Á chứ không phải chỉ ở Mỹ và Châu Âu. Nga cũng muốn hiện đại hóa những vùng phía Đông của đất nước còn lạc hậu nhưng giàu tài nguyên thiên nhiên, vì thế không thể thiếu sự tham gia của các nước Châu Á láng giềng”. Hơn nữa, sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn trong khu vực, nhất là Mỹ và Trung Quốc, buộc Nga phải có chính sách “xoay trục” mạnh mẽ, hướng về Châu Á, nơi Nga có nhiều ảnh hưởng trước đây. Bên cạnh đó, trước những khó khăn do Mỹ và các nước Tây Âu cấm vận kinh tế sau cuộc khủng hoảng Ukraina và khủng hoảng tài chính toàn cầu giai đoạn này, Nga muốn hạn chế sự phụ thuộc về kinh tế vào phương Tây (và đặc biệt là Châu Âu).

Với những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới trong đầu thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, cùng sự gia tăng tầm quan trọng của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và Liên bang Nga nhìn thấy tiềm lực của phương Đông về nguồn vốn, công nghệ cao cũng như sự hấp dẫn từ các thị trường năng lượng và vũ khí. Kết quả là, hướng Châu Á - Thái Bình Dương nổi lên, đóng vai trò là một trong những hoạt động cơ bản nhất trong chính sách đối ngoại của Nga trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI. Tổng thống V. Putin cũng đã khẳng định trong Thông điệp Liên bang năm 2014: “Chúng ta nhìn thấy Châu Á - Thái Bình Dương đang phát triển nhanh chóng như thế nào trong vài thập niên gần đây. Là một cường quốc Thái

Bình Dương, Nga sẽ tận dụng đầy đủ tiềm năng to lớn này” (Thông tấn xã Việt Nam, 2014a: 7). “Khả năng thống trị nền kinh tế và chính trị thế giới của phương Tây đang tiếp tục co lại. Xuất hiện sự phân tán tiềm năng toàn cầu về quyền lực và phát triển, với sự chuyển dịch về phương Đông, chủ yếu vào khu vực Châu Á - Thái Bình Dương” (V. Putin, 2016). Nga coi nhiệm vụ hàng đầu của mình là mở rộng các mối quan hệ kinh tế với các nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, tham gia tích cực vào các cơ chế đa phương như Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, ASEAN, nhằm nhanh chóng hòa nhập vùng Viễn Đông⁽¹⁾ của Nga vào hệ thống các mối quan hệ kinh tế của khu vực này. Năm 2016, V. Putin thông qua “Khái niệm mới về chính sách đối ngoại của Liên bang Nga”, khẳng định: “thúc đẩy hợp tác với các nước Châu Á - Thái Bình Dương là ưu tiên đối ngoại mang tầm quan trọng chiến lược đối với Nga, theo đó, Nga sẽ tham gia tích cực các tiến trình ở Châu Á - Thái Bình Dương, phục vụ cho các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực Siberia và Viễn Đông; củng cố quan hệ đối tác đối thoại lâu dài và toàn diện với ASEAN và nâng tầm lên đối tác chiến lược, mở rộng hợp tác trong khuôn khổ Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á (EAS), Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+); ủng hộ hợp tác kinh tế cùng có lợi trong khuôn khổ Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình

Dương (APEC), hợp tác trong khuôn khổ Hội nghị Thượng đỉnh Á - Âu (ASEM), Hội nghị Thượng đỉnh về phối hợp hành động và các biện pháp củng cố lòng tin ở Châu Á; xây dựng không gian kinh tế chung, rộng mở và không phân biệt đối xử đối với ASEAN, SCO và Liên minh kinh tế Á - Âu” (V. Putin, 2016).

Như vậy, chính sách đối ngoại của Nga trong đầu thế kỷ XXI đã có sự thay đổi và điều chỉnh phù hợp với sự biến động của tình hình thế giới và khu vực. Trong quá trình điều chỉnh chính sách đối ngoại, Liên bang Nga đã từng bước hình thành chính sách “hướng Đông”, tập trung vào khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Theo V. Putin, chính sách hướng Đông này là chính sách thực dụng, linh hoạt, lấy hợp tác kinh tế làm phương hướng hợp tác chủ yếu, quan tâm cả an ninh khu vực, quan hệ nhiều với các quốc gia kinh tế phát triển nhanh chóng và chú ý những nước có địa chính trị quan trọng trong khu vực.

3. VIỆT NAM TRONG CHÍNH SÁCH CHÂU Á CỦA LIÊN BANG NGA

Trong suốt thập niên 90 của thế kỷ XX, dưới thời cầm quyền của Tổng thống B. Yeltsin, nước Nga hầu như đánh mất các liên kết với phương Đông. Bởi Nga chú trọng phát triển quan hệ với các nước có mối liên kết kinh tế quan trọng, các khác biệt hoặc xung đột lợi ích được giải quyết bằng đối thoại, hòa bình. Điều này có nghĩa là những quốc gia nhỏ, đang phát triển như Việt Nam sẽ không được ưu tiên

trong chính sách đối ngoại của Nga. Bước sang đầu thế kỷ XXI, chính sách đối ngoại của Nga đối với Việt Nam nằm trong định hướng chung với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng đã có sự điều chỉnh. Năm 2001, “Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược giữa Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga” nêu rõ: “Việt Nam và Liên bang Nga khẳng định quyết tâm tiếp tục củng cố và phát triển hơn nữa quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác nhiều mặt trong thế kỷ XXI trên cơ sở quan hệ đối tác chiến lược” (Báo Nhân dân, 2001). Tuy xác định Việt Nam là đối tác chiến lược về chính trị - ngoại giao của Nga ở Châu Á, nhưng thực tế chính sách Châu Á của Nga trong hai nhiệm kỳ của Tổng thống V. Putin (2000 - 2008) là lấy Trung Quốc, Ấn Độ làm trung tâm; Đông Nam Á nói chung, Việt Nam nói riêng chưa phải là ưu tiên hàng đầu của Nga tại Châu Á. Bước sang nhiệm kỳ của Tổng thống D. Medvedev (2008 - 2012), Nga bắt đầu có những điều chỉnh chiến lược Châu Á, bởi Nga “nhận thức được những rủi ro liên quan đến việc trở thành một đối tác nhỏ trước một Trung Quốc lớn mạnh và sự suy giảm khả năng đóng góp của mình để hình thành chương trình nghị sự toàn cầu” (Pavel K. Baev, 2015). Chính sách đối ngoại mới của Liên bang Nga được thông qua năm 2008, lần đầu tiên kể từ thời B. Yelstin, Việt Nam được đề cập đích danh trong định hướng chính sách của Nga tại Đông

Nam Á: “Chính sách của Nga hướng tới tăng cường tính năng động, tích cực trong quan hệ với các quốc gia Đông Nam Á, trước hết là phát triển quan hệ đối tác chiến lược với Việt Nam” (D. Medvedev, 2008).

Chính sách Châu Á - Thái Bình Dương của Nga có sự điều chỉnh lớn trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, đặc biệt khi V. Putin quay lại vị trí Tổng thống trong nhiệm kỳ thứ ba (năm 2012), đã có sự chuyển động về chiến lược và Nga đã hướng sự chú ý vào khu vực Đông Nam Á, coi khu vực này là mục tiêu quan trọng hàng đầu trong nhiệm vụ hội nhập Châu Á và chính sách đối ngoại cân bằng Á - Âu của Nga. Mặc dù ASEAN không phải là ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Nga nhưng vai trò của ASEAN trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh - quân sự đối với Nga ngày càng lớn trong cấu trúc khu vực đang định hình; nên việc tham gia vào môi trường Đông Nam Á có ý nghĩa quan trọng để Nga triển khai chính sách Châu Á toàn diện, giảm thiểu ảnh hưởng ngày càng lớn của Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và thúc đẩy các lợi ích của Nga tại đây. Tuy nhiên, trong số các tiểu khu vực của Châu Á, Đông Nam Á không có nhiều liên hệ với Nga trừ Việt Nam, với quan hệ kinh tế - thương mại và chính trị - quân sự với Nga đang tiếp tục được duy trì và củng cố từ giữa thế kỷ XX đến nay.

Để thực hiện mục tiêu hội nhập vào các tiểu khu vực Châu Á, Nga cần một vai trò dẫn đường và Việt Nam - với

tư cách là một nước có vị trí địa - chiến lược quan trọng, “cầu nối” cả đất liền và biển giữa Đông Bắc Á và Đông Nam Á, có thể kiểm soát các tuyến đường hàng hải và hàng không huyết mạch đi qua khu vực Biển Đông, đồng thời là thành viên tích cực đang lên của ASEAN. Nga coi việc thúc đẩy quan hệ hợp tác với Việt Nam là đầu mối quan trọng cho hợp tác và liên kết kinh tế của Nga đối với khu vực ASEAN cũng như các nước khác trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Năm 2012, Tổng thống V. Putin ký sắc lệnh “Về các biện pháp thực hiện chính sách đối ngoại của Liên bang Nga”, trong đó Việt Nam một lần nữa được nhắc đến trong hoạt động đối ngoại được ưu tiên của Nga ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương: “Củng cố và làm sâu sắc thêm sự hợp tác tin cậy, công bằng và sự hợp tác chiến lược với Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, đối tác chiến lược với Cộng hòa Ấn Độ, với Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam” (V. Putin, 2012: 321-325). Điều này khẳng định chính sách dài hạn của Liên bang Nga nhằm tạo dựng sự hợp tác đa dạng với các nước thuộc khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, mà trong số đó Việt Nam vẫn là một đối tác lâu đời và tin cậy nhất. Điều đó cũng có ý nghĩa lợi ích trong quan hệ với Việt Nam là yếu tố tác động trực tiếp đến chính sách của Nga đối với Việt Nam trong bối cảnh mới. Trong chuyến thăm Nga của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang (7/2012), Nga đã nhất trí nâng cấp quan hệ hai nước thành

“Đối tác chiến lược toàn diện” khẳng định cam kết của Nga luôn xem Việt Nam là đối tác chiến lược quan trọng của Nga tại Châu Á. Có thể nói đây là sự kiện thể hiện bước phát triển mới trong chính sách của Nga và là cơ sở pháp lý vững chắc để Nga tiếp tục mở rộng và thúc đẩy mạnh mẽ sự hợp tác với Việt Nam trên nhiều lĩnh vực hợp tác quan trọng như: an ninh, quốc phòng, kinh tế - thương mại, năng lượng... Với những ưu thế của Việt Nam trong khu vực, “Mục tiêu của Nga là xây dựng Việt Nam thành một cầu nối quan trọng nhất, giúp Nga hội nhập sâu vào khu vực” (Bùi Thị Thảo, 2016: 326).

Một nguyên nhân khác khiến Nga coi trọng vai trò của Việt Nam khi “xoay trục” sang Châu Á, đó là nhân tố Mỹ và Trung Quốc. Cả Mỹ, Nga và Trung Quốc đều đang cạnh tranh về vị thế của mình tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, Đông Nam Á nói riêng trong bàn cờ địa - chiến lược của họ ở khu vực này cũng như trên thế giới, đều mong muốn gia tăng sự hợp tác nhiều mặt giữa họ với khu vực. Chính vì vậy, “mối quan hệ tích cực với Việt Nam khiến cho Nga nổi lên như là một quyền lực nằm giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ” (Anton Tsvetov, 2014). Thêm vào đó, sự lớn mạnh của Trung Quốc trong khu vực và thế giới khiến Nga phải cân nhắc nên “Nga đang theo đuổi các mối quan hệ mạnh mẽ hơn với Việt Nam để xây dựng ảnh hưởng của mình ở Đông Á chống lại sự nổi lên của Trung Quốc” (Tony Rinna,

2016). Trên cơ sở đó Nga thúc đẩy các mối quan hệ hợp tác, liên kết với Việt Nam không chỉ trên lĩnh vực kinh tế - thương mại mà cả chính trị - ngoại giao, quân sự - quốc phòng, văn hóa - xã hội.

4. QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT - NGA TRONG BỐI CẢNH NGA “XOAY TRỤC” SANG CHÂU Á

Nhờ lực đẩy của quan hệ chính trị - ngoại giao, bước sang đầu thế kỷ XXI, quan hệ kinh tế Việt - Nga cũng được phát triển lên một bước mới trên nền tảng quan hệ Đối tác chiến lược (2001) và Đối tác chiến lược toàn diện (2012).

Quan hệ thương mại. Dưới hiệu ứng

của quan hệ đối tác chiến lược và những chính sách vĩ mô về thuế nhập khẩu ưu đãi cho hàng hóa của Việt Nam, trao đổi thương mại hai chiều Việt Nam - Liên bang Nga phát triển cả về kim ngạch, cơ cấu xuất nhập khẩu và mặt hàng. Sự tăng trưởng này thể hiện rất rõ khi kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2000 là 363 triệu USD, đã tăng lên 571 triệu USD vào năm 2001. Năm 2005 kim ngạch xuất nhập khẩu hai nước tăng cao kỷ lục đạt 1,02 tỷ USD. Đặc biệt, sau khi Việt Nam chính thức gia nhập WTO, kim ngạch thương mại hai chiều cũng tăng, đạt 1,642 tỷ USD vào năm 2008, năm 2011 kim ngạch xuất nhập khẩu đạt

Bảng 1. Quan hệ thương mại Việt Nam - Liên bang Nga giai đoạn 2001-2017

Đơn vị tính: Triệu USD

Năm	Việt Nam xuất khẩu	Việt Nam nhập khẩu	Tổng kim ngạch hai chiều	Cán cân thương mại
2001	194	376	571	-182
2002	187	501	688	-314
2003	160	492	651	-332
2004	216	671	887	-455
2005	252	767	1.020	-515
2006	413	456	869	-43
2007	458	552	1.010	-94
2008	672	970	1.642	-298
2009	415	1.290	1.705	-875
2010	829	999	1.828	-170
2011	1.287	694	1.981	593
2012	1.617	839	2.447	788
2013	1.921	855	2.776	1.066
2014	1.724	827	2.552	898
2015	1.438	742	2.180	696
2016	1.616	1.124	2.740	492
2017	2.167	1.385	3.552	782

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Tổng cục Thống kê, 2017a: 162-177.

1,98 tỷ USD - Nga là đối tác thương mại lớn thứ 22 của Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử ngoại thương Việt - Nga, cán cân thương mại đổi chiều, Việt Nam xuất siêu sang thị trường Nga (xem Bảng 1).

Quan hệ kinh tế Việt Nam - Liên bang Nga phát triển mạnh sau năm 2012 khi Liên bang Nga “xoay trục” mạnh mẽ sang Châu Á và Nga - Việt Nam đã nâng tầm quan hệ lên thành Đối tác chiến lược toàn diện. Hơn nữa, Nga đã nhận thức được những lợi ích kinh tế mà Việt Nam có thể mang đến cho nước này như Việt Nam có quan hệ kinh tế và thương mại lâu đời, là thị trường quen thuộc và tiềm năng đối với các sản phẩm kỹ thuật, máy móc của Nga. Nga đã tăng cường xây dựng cơ sở pháp lý bằng việc ký kết nhiều văn kiện hợp tác quan trọng, thúc đẩy các hiệp định thương mại song phương và đa phương giữa Nga với Việt Nam; xác định các lĩnh vực kinh tế trọng tâm trong chính sách hợp tác với Việt Nam và nỗ lực thực hiện hiệu quả các thỏa thuận đã đạt được. Kim ngạch thương mại hai chiều năm 2012 là 2,447 tỷ USD, tăng lên 2,740 tỷ USD vào năm 2016 và đạt kim ngạch 3,552 tỷ USD vào 2017 (xem Bảng 1). Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, năm 2018 kim ngạch thương mại Việt - Nga đã đạt 4,57 tỷ USD (Bộ Công Thương Việt Nam, 2018). Sự tăng trưởng kim ngạch đột biến này là do hiệu ứng từ Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á - Âu đã có

hiệu lực năm 2016 và những nỗ lực để thúc đẩy hợp tác kinh tế Việt - Nga tương xứng với quan hệ đối tác chiến lược toàn diện của hai nước. Hiệp định này có ý nghĩa quan trọng, đối với Nga đó là hợp tác trong không gian đại Âu - Á, còn Việt Nam là nước Châu Á duy nhất ký Hiệp định Thương mại tự do với Liên minh Kinh tế Á - Âu. Nga muốn Việt Nam trở thành hình mẫu, cũng như là nơi thử nghiệm các ý tưởng chính sách chính trị và kinh tế Nga đã đưa ra để thực hiện chiến lược “hướng Đông”, hợp tác trong không gian đại Âu - Á, cũng như tham gia vào các tiến trình hội nhập khác.

Quan hệ đầu tư. Cùng với quan hệ thương mại, quan hệ đầu tư Việt Nam - Liên bang Nga cũng có những bước tiến bộ so với trước, đặc biệt sau khi Việt Nam đã gia nhập WTO. Lũy kế từ năm 1988 đến năm 2009 Nga có 117 dự án với số vốn đăng ký là 2,321 tỷ USD (Tổng cục Thống kê, 2009: 117). Đầu tư của Nga vào Việt Nam có sự gia tăng đáng kể về số dự án và số vốn, từ năm 2012, Nga đã có 11 dự án được phê duyệt tại Việt Nam với số vốn 143,1 triệu USD. Tính lũy kế đến năm 2012 Nga đầu tư vào Việt Nam với tổng số vốn đăng ký đạt 974,3 triệu USD với 87 dự án, đứng thứ 24 trong số các nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Tính đến tháng 12/2014, Liên bang Nga có 104 dự án đầu tư vào Việt Nam, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt khoảng 1,95 tỷ USD và xếp thứ 17/101 quốc gia và

vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam. Trong đó, quy mô vốn bình quân một dự án của Liên bang Nga khoảng 18,82 triệu USD; cao hơn so với mức bình quân chung một dự án đầu tư nước ngoài vào Việt Nam là 14,3 triệu USD/dự án. Tính lũy kế đến năm 2015 Nga có 113 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại Việt Nam còn hiệu lực, với tổng vốn đầu tư đăng ký 1,96 tỷ USD. Con số tuy không thể sánh bằng các nhà đầu tư hàng đầu như Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Singapore, Mỹ..., song gần 2 tỷ USD cũng là mức đầu tư khá. Nga xếp thứ 17 trong số 105 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam năm 2015. Lũy kế đến năm 2017 Nga đứng thứ 23 trong số các nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam với 115 dự án và tổng số vốn đăng ký 982,7 triệu USD (Tổng cục Thống kê, 2017a: 157).

Đầu tư trực tiếp của Nga đã có mặt trong những ngành kinh tế quan trọng của Việt Nam như dầu khí, điện, năng lượng hạt nhân, cơ khí, công nghiệp hóa chất, luyện kim, công nghiệp chế biến nông lâm, hải sản, ngân hàng, công nghệ thông tin. Đầu tư của Liên bang Nga đã có mặt ở 23/64 địa phương của cả nước (tính cả khu vực dầu khí ngoài khơi), tập trung tại các địa phương nơi có điều kiện cơ sở hạ tầng thuận lợi và khu vực phát triển kinh tế năng động nhất.

Trong quan hệ đầu tư Việt - Nga còn ghi nhận sự thành công của đầu tư từ Việt Nam sang Nga với những bước tiến tích cực. Từ chỗ chỉ có 11 dự án

với số vốn khoảng 100 triệu USD vào năm 2005 đã tăng lên 18 dự án với tổng số vốn đầu tư là 1,7 tỷ USD vào năm 2008. Lũy kế đến ngày 31/12/2017, Việt Nam có 13 dự án FDI đang thực thi tại Liên bang Nga, với số vốn là 2,825 tỷ USD (Tổng cục Thống kê, 2018a). Liên bang Nga chiếm 13% tổng vốn đăng ký đầu tư ra nước ngoài, đứng thứ 3/75 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư của Việt Nam.

Tuy có những thành tựu nhất định trong quan hệ kinh tế Việt Nam - Liên bang Nga đầu thế kỷ XXI nhưng sự khác biệt về trình độ, quy mô của hai nền kinh tế về các giá trị, chiến lược đã chi phối mạnh mẽ chính sách kinh tế đối ngoại cùng với sự chuyển biến trong chính sách đó của cả Việt Nam và Liên bang Nga. Đối với Nga giai đoạn 2001 - 2011, trọng tâm trong chính sách kinh tế đối ngoại của nước này là chính sách cân bằng Âu - Á, trong đó Châu Âu vẫn là trọng tâm, bởi Nga “phải học cách bảo vệ lợi ích kinh tế và trọng tâm đối ngoại là Châu Âu” (Thông điệp Liên bang, 2001). Trong chính sách này, Châu Á - Thái Bình Dương nói chung, Đông Nam Á nói riêng (trong đó có Việt Nam) không phải là ưu tiên hàng đầu của Liên bang Nga, cho nên những vướng mắc, cản trở trong hợp tác kinh tế song phương chưa được giải quyết kịp thời, làm hạn chế sự phát triển của quan hệ kinh tế Việt - Nga trong thời gian này. Biểu hiện rõ nhất trong quan hệ thương mại - đầu tư giữa hai

nước, kim ngạch thương mại nhỏ bé so với tiềm năng, nhu cầu và lợi thế của hai nước. Năm 2001 kim ngạch thương mại Việt - Nga đạt 571 triệu USD, sau 10 năm chỉ đạt 1,981 tỷ USD vào năm 2011 (Tổng cục Thống kê, 2017: 438-443). Mặc dù đã có sự cải thiện và có bước phát triển mới sau năm 2012, nhưng kim ngạch thương mại song phương đến năm 2017 đạt 3,55 tỷ USD (Tổng cục Thống kê, 2017a: 154), thấp hơn nhiều lần so với giao dịch thương mại giữa Việt Nam với Trung Quốc, Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore và một số nước khác trong cùng thời điểm. Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với Trung Quốc năm 2017 đạt 96,69 tỷ USD, Nhật Bản là 33,4 tỷ USD, Hàn Quốc là 61,56 tỷ USD (Bộ Công Thương, 2017: 76-79). Đồng thời, tỷ trọng thương mại Việt - Nga đến năm 2017 chiếm chưa đến 1% trong cơ cấu xuất nhập khẩu của Nga, trong khi đó với các đối tác khác như Đức 9%, Mỹ là 4%, Hàn Quốc là 3% (Hải quan Liên bang Nga, 2018). Đầu tư của hai bên còn thấp, mặc dù hai nước là đối tác truyền thống của nhau. Đầu tư Việt - Nga chỉ có hiệu quả trong hợp tác năng lượng dầu khí của Liên doanh Vietsovpetro tại Việt Nam và Rusvietpetro tại Liên bang Nga, còn lại các dự án đầu tư khác của Nga vào Việt Nam cũng khá nhỏ bé.

Ngoài ra còn có những nguyên nhân khác dẫn đến các hạn chế trên. Đó là Việt Nam và Liên bang Nga đã hội nhập kinh tế quốc tế, gia nhập WTO,

nên chịu ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Thêm vào đó, Việt Nam đã hội nhập nhanh chóng, có rất nhiều đối tác kinh tế trong quan hệ thương mại và đầu tư với những điều kiện thuận lợi về giá cả và những ưu đãi lớn ở các FTA mà Việt Nam đang tham gia. Chính vì vậy, Nga không hấp dẫn những nhà đầu tư và các doanh nghiệp Việt Nam. Ở chiều ngược lại, mặc dù trong chính sách đối ngoại của mình, Nga rất coi trọng quan hệ với Việt Nam, tuy nhiên trong bối cảnh bị chi phối bởi các nhân tố quốc tế và nước Nga bị Mỹ và Châu Âu trừng phạt kinh tế, Liên bang Nga phải lựa chọn những đối tác lớn giúp nước này cân bằng quan hệ kinh tế. Do đó, Trung Quốc, Ấn Độ và các nước SNG là lựa chọn hàng đầu của Nga.

Như vậy, có thể thấy rằng tuy vẫn còn nhiều hạn chế nhưng chính sách Châu Á - Thái Bình Dương của Nga đã có những tác động tích cực đến quan hệ kinh tế Việt - Nga. Mặc dù còn nhiều khó khăn thách thức, song quan hệ kinh tế Việt - Nga có nhiều tiềm năng phát triển trong thời gian tới, đặc biệt là khi Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á - Âu đã có hiệu lực, tạo khuôn khổ pháp lý cho hợp tác kinh tế, góp phần tăng cường hơn nữa cơ hội xuất khẩu hàng hóa, mở rộng thị trường hàng hóa và tăng thêm cơ hội đầu tư.

5. KẾT LUẬN

Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Liên bang Nga gắn với những

biến đổi sâu sắc của tình hình thế giới và trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, nơi đang diễn ra sự cạnh tranh quyết liệt giữa các nước lớn. Sự điều chỉnh này cũng làm phát triển mạnh mẽ hơn quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Liên bang Nga trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế. Tăng cường quan hệ hợp tác với Liên bang Nga tạo cho Việt Nam vị thế vững chắc trong quan hệ với các nước, tạo môi trường hòa bình, ổn định cho sự phát triển của đất nước.

Nhờ lực đẩy của hợp tác chính trị - ngoại giao, quan hệ kinh tế Việt Nam - Nga ngày càng có những thay đổi tích cực trong nhiều lĩnh vực, nhất là trong thương mại, đầu tư. Song quan hệ kinh tế Việt - Nga vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và nhu cầu của mỗi nước, vẫn còn nhiều tiềm năng để phát triển tương xứng với quan hệ chính trị - đối ngoại tốt đẹp và sự kỳ vọng của hai bên trong thời gian tới. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Viễn Đông Nga là một thuật ngữ chỉ những vùng của Nga ở Viễn Đông, ví dụ, những vùng cực đông của Nga, giữa hồ Baikal ở Trung Siberia và Thái Bình Dương. Viễn Đông thường được gọi trong tiếng Nga là “Vùng Châu Á -Thái Bình Dương” (Азиатско-тихоокеанский регион, viết tắt theo ATP), hay “Đông Á” (Восточная Азия). Vùng Viễn Đông Nga có diện tích 6,2 triệu km² - chiếm 36,4% diện tích của đất nước, nhưng nơi đây dân cư thưa thớt, chỉ có 6,4 triệu dân, chiếm dưới 5% dân số Nga.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Baev, Pavel K. 2015. “Can Russia Keep Its Special Ties with Vietnam While Moving Closer and Closer to China”. *International Area Studies Review*, vol 18 (3).
2. Báo Nhân dân. 2001. “Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược giữa Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Liên Bang Nga”, ngày 2/3/2001.
3. Bộ Công Thương. 2017. *Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam 2017*. Hà Nội: Nxb. Bộ Công Thương.
4. Bộ Công Thương Việt Nam. 2018. <https://www.moit.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/viet-nam-nga-ban-giai-phap-thuc-%C4%91ay-hop-tac-cong-nghiep-16915-22.html>
5. Bùi Thị Thảo. 2016. *Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Mỹ và Nga đối với Việt Nam thời kỳ sau Chiến tranh lạnh*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
6. Gorodetsky, Gabriel. 2003. *Russia between East and West- Russian Foreign Policy on the Threshold of the Twenty - First Century*. London: Frank Cass Pullishers.
7. Hải quan Liên bang Nga. 2018. “Thống kê ngoại thương của Liên bang Nga”, <http://customs.ru/statistic>, ngày truy cập 26/5/2019.
8. Hồ Châu. 1997. *Sự điều chỉnh chính sách của các nước lớn đối với Châu Á - Thái Bình Dương từ sau Chiến tranh lạnh và vấn đề đặt ra với Việt Nam*. Luận án Phó tiến sĩ Khoa học Lịch sử. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Hà Nội.

9. Kobelev, E.V. 2016. “20 năm quan hệ đối tác ‘Nga - ASEAN’”. *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, số 6/2016.
10. Lukin, A.V. 2009. “Chính sách đối ngoại từ thời hậu xô viết tới nước Nga ngày nay. Những bài học rút ra từ cuộc xung đột với Grudia”. *Thông tấn xã Việt Nam*, số 4/2009 (Các vấn đề quốc tế).
11. Medveded, D.2008. “Chiến lược kinh tế đối ngoại của Liên bang Nga đến năm 2020”. <http://economy.gov.ru/minec/activity/sections/foreignEconomicActivity/vec2020>, ngày truy cập 20/6/2018
12. Putin, V. 2012. *Nước Nga và thế giới đang thay đổi*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
13. Putin, V. 2016. “Khái niệm về chính sách đối ngoại của Liên bang Nga”, [/vietnam.mid.ru/web/vietnam-vn/main/-/asset_publisher/lzH2BiDu7xh3/content/khai-niem-ve-chinh-sach-oi-ngoai-cua-lien-bang-nga?inheritRedirect=false](http://vietnam.mid.ru/web/vietnam-vn/main/-/asset_publisher/lzH2BiDu7xh3/content/khai-niem-ve-chinh-sach-oi-ngoai-cua-lien-bang-nga?inheritRedirect=false), ngày truy cập 15/5/2018.
14. Thông Tấn xã Việt Nam. 2002. “Quan hệ chiến lược giữa các nước lớn trong thế kỷ XXI”. *Thông tấn xã Việt Nam*, số 6/2002.
15. Thông Tấn xã Việt Nam. 2007. *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, số 3/2007.
16. Thông tấn xã Việt Nam. 2014a. “Thông điệp Liên bang Nga”. *Thông tấn xã Việt Nam* số 339/TTX.
17. Thông tấn xã Việt Nam. 2014b. *Tài liệu tham khảo đặc biệt*. *Thông tấn xã Việt Nam*, số 339/TTX.
18. Tổng cục Thống kê. 2009. *Niên giám thống kê 2009*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
19. Tổng cục Thống kê. 2017a. *Niên giám thống kê tóm tắt*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
20. Tổng cục Thống kê. 2017b. *Xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam hội nhập và phát triển 2005 - 2015*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
21. Tổng cục Thống kê. 2018a. “Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài được cấp giấy phép phân theo đối tác đầu tư chủ yếu (lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 31/12/2018)”, <https://www.gso.gov.vn/SLTK/Table.aspx>, ngày truy cập 18/9/2019.
22. Tổng cục Thống kê. 2018b. *Kết quả hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giai đoạn 2011-2016*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
23. Tony, Rima. 2016. “The China Factor in Russia - Vietnam Security Ties”. *Foreign Policy Journal*. <https://www.foreignpolicyjournal.com/2016/01/05/the-china-factor-in-russia-vietnam-security-ties/>, ngày truy cập 29/10/2018.
24. Tsvetov, Anton. 2014. “Russian-Vietnamese Strategic Partnership: Between the United States and China,” http://russiancouncil.ru/en/inner/?id_4=4818#top, ngày truy cập 24/10/2018.
25. Vũ Dương Huân. 2013. “Tiềm năng kinh tế Viễn Đông, Liên bang Nga và khả năng hợp tác Nga - Việt Nam (Phần 2)”. *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, số 3/2013.